

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN QUỲNH LƯU
TỈNH NGHỆ AN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 63/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 15/9/2022

V/v: “Ly hôn, tranh chấp về nuôi
con”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN QUỲNH LƯU, TỈNH NGHỆ AN

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Nghệ

Các hội thẩm nhân dân: Bà Phan Thị Đóa và bà Vũ Thị Thịnh.

Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Mỹ Linh - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Quỳnh Lưu, tỉnh Nghệ An.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Quỳnh Lưu, tỉnh Nghệ An tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị Thúy Nga - Kiểm sát viên.

Trong ngày 15 tháng 9 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Quỳnh Lưu xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 216/2022/TLST-HNGĐ ngày 28 tháng 6 năm 2022 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 118/2022/QĐXXST-HNGĐ và Quyết định hoãn phiên tòa số 56/2022/QĐXXST - HNGĐ ngày 30 tháng 8 năm 2022 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Trần Thị T, sinh năm 1990. Có mặt.

Nơi ĐKKHKT: Xóm T, xã Q, huyện L, tỉnh Nghệ An.

Chỗ ở hiện nay: Xóm A, xã N, huyện L, tỉnh Nghệ An.

- Bị đơn: Anh Trần Văn L, sinh năm 1987. Vắng mặt.

Nơi cư trú: Xóm T, xã Q, huyện L, tỉnh Nghệ An.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 20/6/2022, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn chị Trần Thị T trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Trần Văn L có đăng ký kết hôn tại UBND xã T, huyện L, tỉnh Nghệ An vào ngày 29/9/2009. Kết hôn là nguyện, không ai ép buộc. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống không hạnh phúc. Đến năm 2020 vợ chồng xảy ra mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, anh L không quan tâm đến

gia đình, vợ con, không đóng góp xây dựng kinh tế gia đình, mâu thuẫn về tiền bạc dẫn đến vợ chồng thường xuyên cãi nhau. Vợ chồng mâu thuẫn đỉnh điểm nhất vào tháng 10/2021 anh L đánh chị bị thương vào đầu phải khâu 6 mũi. Sau đó chị đã về nhà bố mẹ đẻ ở xã N sống và vợ chồng cũng sống ly thân từ tháng 10/2021 cho đến nay. Thỉnh thoảng chị có qua lại thăm con thì anh L có khuyên chị về đoàn tụ nhưng chị không đồng ý vì chị không còn tình cảm với anh L. Nay tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, chị T xin ly hôn anh Trần Văn L.

Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung là Trần Tiến D, sinh ngày 19/10/2011 và Trần Nhật T, sinh ngày 25/11/2013. Thời gian vợ chồng sống ly thân thì hai con ở với anh L, thỉnh thoảng chị có qua lại đón con về chơi. Hiện nay cháu D đang ở với anh L, cháu T đang ở với chị. Quá trình giải quyết chị T xin được nuôi cả hai con chung, tại phiên tòa chị thay đổi yêu cầu, chị có nguyện vọng xin được trực tiếp nuôi con chung là Trần Nhật T, giao Trần Tiến D cho anh L trực tiếp nuôi dưỡng. Chị không yêu cầu anh L cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Chị T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Quá trình giải quyết Tòa án tổng đạt hợp lệ đơn khởi kiện và các tài liệu khởi kiện, giấy báo đương sự, thông báo về việc thụ lý vụ án, thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, thông báo hoãn, thông báo kết quả phiên họp cho bị đơn anh Trần Văn L, anh L có mặt tại địa phương nhưng cố tình vắng mặt.

Tại đơn đề nghị ngày 14/9/2022 anh Trần Văn L trình bày: Về quan hệ hôn nhân anh đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định pháp luật. Về con chung anh L có nguyện vọng được trực tiếp nuôi con là Trần Tiến D, sinh ngày 19/10/2011.

Cháu Trần Tiến D trình bày nguyện vọng xin được ở với bố là anh Trần Văn L.

Cháu Trần Nhật T trình bày nguyện vọng xin được ở với mẹ là Trần Thị T.

Kết quả xác minh tại UBND xã T: Anh Trần Văn L hiện nay đang có hộ khẩu thường trú tại thôn T, xã T, huyện L, tỉnh Nghệ An, nay anh L đang có mặt tại địa phương, làm nghề lái xe. Cuộc sống hôn nhân giữa chị T và anh L có mâu thuẫn như thế nào địa phương không nắm rõ vì không qua hòa giải tại cơ sở. Hiện nay chị T và anh L đang sống ly thân. Chị T và anh L có 02 con chung là Trần Tiến D, sinh ngày 19/10/2011 và Trần Nhật T, sinh ngày 25/11/2013. Anh L và chị T ly hôn đề nghị giao cho mỗi người nuôi một con để đảm bảo tốt điều kiện chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Quỳnh Lưu phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Hội đồng xét xử đã tuân theo đúng các quy định của BLTTDS về việc xét xử sơ thẩm vụ án. Thư ký đã thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn của mình đúng, đầy đủ theo quy định tại Điều 51 BLTTDS năm 2015. Nguyên đơn từ khi thụ lý vụ án cho đến thời điểm xét xử đã thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định tại Điều 70, 71 và Điều 234 BLTTDS 2015. Bị đơn kể từ khi thụ lý vụ án tới phiên tòa mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ để giải quyết vụ việc nhưng vẫn không hợp tác, không có mặt theo giấy triệu tập của Tòa án, không thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định tại Điều 70, 72 BLTTDS năm 2015 làm ảnh hưởng đến thời hạn giải quyết vụ án.

Về nội dung: Đề nghị Tòa án nhân dân huyện Quỳnh Lưu.

Về tình cảm: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Trần Thị T.

Về con chung: Giao cho anh Trần Văn L chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Trần Tiến D; Giao cho chị Trần Thị T chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Trần Nhật T.

Về án phí: Áp dụng Điều 147 BLTTDS; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của UBTV Quốc hội khóa 14 buộc nguyên đơn phải chịu án phí theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có tại hồ sơ, được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định.

[1] Về tố tụng:

[1.1] Chị Trần Thị T có đơn đề nghị Tòa án giải quyết việc ly hôn với anh Trần Văn L, có nguyện vọng nuôi con chung, đây là vụ án “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”. Anh Trần Văn L có hộ khẩu thường trú tại thôn T, xã T, huyện L, tỉnh Nghệ An. Theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự 2015 vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Quỳnh Lưu, tỉnh Nghệ An.

[1.2] Về việc xét xử vắng mặt: Bị đơn đã được Tổng đạt hợp lệ Quyết định đưa vụ án ra xét xử lần thứ nhất, Quyết định hoãn phiên tòa nhưng đều vắng mặt không có lý do. Vì vậy, căn cứ vào khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Hôn nhân giữa chị T và anh L là hợp pháp, tuân thủ các điều kiện kết hôn theo quy định của pháp luật. Quá trình chung sống giữa chị T và anh L xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân là do anh L không quan tâm đến gia đình, đánh đập chị T, mâu thuẫn về kinh tế, hiện nay vợ chồng đang sống ly thân. Mặc dù thời gian vợ chồng sống ly thân anh L có khuyên bàn chị T trở về để gia đình đoàn tụ nhưng chị T không đồng ý, quá trình giải quyết anh L trốn tránh

không trực tiếp đến Tòa án để hòa giải chứng tỏ anh không có thiện chí trong việc níu giữ hôn nhân, điều đó chứng tỏ tình trạng hôn nhân giữa chị T và anh L đã thật sự trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó cần áp dụng Điều 51, Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 cho chị Trần Thị T được ly hôn anh Trần Văn L.

[2.2] Về con chung: Nguyên vọng xin được nuôi con của chị T và anh L là chính đáng, thể hiện trách nhiệm và nghĩa vụ của bố mẹ đối với con. Xét nguyện vọng của cháu D được ở với bố, cháu T có nguyện vọng được ở với mẹ. Hiện nay anh L, chị T đều có thu nhập, có chỗ ở ổn định đảm bảo điều kiện sống và học tập cho các con. Để đảm bảo quyền lợi cũng như sự chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục tốt cho các con thì nên giao mỗi người nuôi một con. Căn cứ vào Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình, chấp nhận nguyện vọng của chị T và anh L. Giao cháu Trần Tiến D cho anh L trực tiếp nuôi dưỡng, giao cháu Trần Nhật T cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng. Tạm hoãn việc cấp dưỡng nuôi con cho chị T, anh L vì chưa ai yêu cầu.

[2.3] Về tài sản: Không ai yêu cầu Tòa án giải quyết nên miễn xét.

[3] Về án phí: Chị T phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Bởi các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; khoản 2 Điều 227; Khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự 2015;

Căn cứ vào Điều 51; Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 Luật hôn nhân gia đình năm 2014;

Căn cứ mục a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/NQ-UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Trần Thị T.

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Trần Thị T được ly hôn anh Trần Văn L.

2. Về con chung: Giao con chung là Trần Tiến D, sinh ngày 19/10/2011 cho anh Trần Văn L trực tiếp nuôi dưỡng. Giao con chung là Trần Nhật T, sinh ngày 25/11/2013 cho chị Trần Thị T trực tiếp nuôi dưỡng.

Tạm hoãn việc cấp dưỡng nuôi con chung cho chị T và anh L vì chưa ai yêu cầu.

Chị T, anh L có quyền, nghĩa vụ đi lại thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

3. Về tài sản: Không ai yêu cầu giải quyết nên miễn xét.

4. Về án phí: Chị Trần Thị T phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm. Được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) chị T đã nộp tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Quỳnh Lưu theo biên lai số 0007911 ngày 28/6/2022.

Bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

5. Quyền kháng cáo: Chị Trần Thị T có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm, anh Trần Văn L có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản sao bản án hoặc kể từ ngày niêm yết bản sao bản án lên Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Quỳnh Lưu;
- VKSND tỉnh Nghệ An;
- TAND tỉnh Nghệ An;
- Chi cục THADS huyện Quỳnh Lưu;
- UBND xã T (ĐKKH 2009);
- Dương sự;
- Lưu HS, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Thị Nghệ

